TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 07/6/2018
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em;

Bà Võ Thị Thu Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2018/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp: "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2018/QĐ-PT ngày 09/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp P, xã P, TP. M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: đường L, phường 6, TP. M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Dương Hoàng H, sinh năm 1994; (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T, sinh năm 1973 – Công ty Luật TNHH MTV Vĩnh Thụy-Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tăng Thị Bé H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp P, xã P, TP. M, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

**Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Kim C trình bày*: Chị và anh Dương Hoàng H tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2016. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 26/10/2016. Sau khi kết hôn, do chị chung sống với anh H tại gia đình chồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung. Thời gian chị mang bầu đến khi sinh con, anh H không quan tâm tới vợ con. Sau khi chị sinh con thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã sống ly thân với anh H từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin ly hôn với anh Dương Hoàng H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Hoàng N, sinh ngày 05/02/2017. Con hiện đang sống với chị tại ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung có tổng cộng 01 lượng 08 chỉ vàng 24K gồm: 02 vòng vàng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 đôi bông 01 chỉ, 01 kiềng vàng 03 chỉ, 01 dây chuyền 05 chỉ, 01 chiếc lắc 05 chỉ, tổng cộng giá trị tạm tính là 65.898.000 đồng. Anh H hiện đang giữ toàn bộ số vàng trên. Ngoài ra, chị cùng anh H có nuôi bầy heo gồm: 04 heo nái và 34 heo lứa có giá trị tạm tính là 54.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung tạm tính là 119.898.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi tài sản chung, chị xin nhận bằng hiện vật số vàng nêu trên khi án có hiệu lực pháp luật. Chị đồng ý trả lại cho anh H phần giá trị chênh lệch làm một lần khi anh H giao cho chị số vàng trên.

Về nợ chung: Nợ mẹ chị là bà Tăng Thị Bé H số tiền là 9.000.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi số nợ. Anh H phải trả một nửa là 4.500.000 đồng, phần của chị tự trả cho bà Hai là 4.500.000 đồng.

Ngày 23/10/2017 chị Nguyễn Thị Kim C có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung là bầy heo gồm 04 heo nái và 34 heo lứa và rút yêu cầu anh H cùng trả số tiền đã mượn của bà Tăng Thị Bé H là 9.000.000 đồng.

**Bị đơn – anh Dương Hoàng H trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Kim C kết hôn với nhau vào năm 2016, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh chị có 01 con chung tên Dương Hoàng N, sinh ngày 05/02/2017.

Về tài sản chung: Sau khi kết hôn anh chị có số vàng cưới là 08 chỉ vàng 24K gồm: 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24K, 01 cặp vòng tay 04 chỉ vàng 24K (mỗi chiếc

02 chỉ); 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Số vàng này chị C cất giữ. Khi sinh con chị C đã bế con và mang theo toàn bộ số vàng về nhà mẹ ruột ở. Anh không có cất giữ số vàng trên nên anh không đồng ý theo yêu cầu chia tài sản của chị C.

Về nợ chung: Anh không có mượn nợ số tiền nào của bà Tăng Thị Bé H nên anh không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Nay anh đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim C. Anh đồng ý để con chung Dương Hoàng N cho chị C nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Tăng Thị Bé H trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Kim C là con gái của bà. Năm 2016, chị C có kết hôn với anh H. Sau khi kết hôn, chị C về sống với anh H tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian sống chung, để có điều kiện làm ăn, anh H và chị C có hỏi mượn bà một số vốn để chăn nuôi, khoảng tháng 11/2017, bà có đưa cho anh H và chị C mượn tổng cộng là 9.000.000 đồng, bà đưa tiền làm nhiều lần, không có biên nhận. Nay bà yêu cầu anh H và chị C trả cho bà số tiền 9.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 24/10/2017 bà Tăng Thị Bé H có đơn xin rút yêu cầu chị C và anh H trả cho bà số tiền 9.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, khoản 4 điều 147, điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Dương Hoàng H.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kim C và anh Dương Hoàng H. Giao con chung tên Dương Hoàng N, sinh ngày 05/02/2017 cho chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh H được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Dương Hoàng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Dương Hoàng Nam mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Gồm 08 chỉ vàng 24K , chia cho anh Dương Hoàng H ½ tài sản chung là 04 chỉ vàng 24K . Buộc anh H có nghĩa vụ chia lại cho chị Nguyễn Thị Kim C ½ tài sản chung là 04 chỉ vàng 24K là 14.560.000đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là bầy heo gồm 04 heo nái và 34 heo lứa và yêu cầu anh H cùng trả số nợ 9.000.000đồng

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

*Ngày 23/01/2018, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim C có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chia ½ tài sản chung của vợ chồng là 18 chỉ vàng 24Kr.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn Dương Hoàng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tăng Thị Bé H vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

-Ý kiến phát biểu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Xin Hội đồng xét xử cho chị C được hưởng toàn bộ quyền lợi của người phụ nữ; Chị C tin tưởng tuyệt đối về tình cảm đối với anh H. Cho nên, không có chứng cứ giấy tờ gì để chứng minh về tài sản chung của vợ chồng; Về số nữ trang cưới thì mẹ con của anh H trình bày không thống nhất. Tại buổi hòa giải ở cơ sở ngày 04/5/2017 anh H có thừa nhận toàn bộ vàng cưới là 18 chỉ vàng 24Kr, nên lời trình bày của chị C về 18 chỉ vàng 24Kr là có căn cứ; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị C

-Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn : Anh H chỉ thừa nhận có 08 chỉ vàng 24Kr là nữ trang cưới, phía nguyên đơn không có chứng cứ gì chứng minh về số nữ trang của vợ chồng là 18 chỉ vàng 24Kr, anh H cũng không thừa nhận. Các hình ảnh do nguyên đơn cung cấp chỉ để tham khảo, không có giá trị chứng minh. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim C, lời trình bày của các đương sự và kết quả

tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đối với bị đơn Dương Hoàng H có đơn xin xét xử vắng mặt và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tăng Thị Bé H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập dự phiên tòa phúc thẩm nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H, bà Bé H theo qui định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Đối với quan hệ hôn nhân, vấn đề nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và phần nợ chung thì các bên không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị. Nên đã phát sinh hiệu lực thi hành, tòa án cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Chị C cho rằng vợ chồng có tất cả 18 chỉ vàng 24Kr là tài sản chung của vợ chồng. Anh H thì cho rằng vợ chồng chỉ có 08 chỉ vàng 24Kr là nữ trang cưới. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị C, xác định tài sản chung của vợ chồng chị C, anh H là 08 chỉ vàng 24Kr, đồng thời buộc anh H phải thối chia cho chị C 04 chỉ vàng 24Kr. Chị C không đồng ý nên kháng cáo yêu cầu chia đôi 18 chỉ vàng 24Kr (mỗi người 09 chỉ). Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử buộc anh H thối chia cho chị C 04 chỉ vàng 24Kr là có căn cứ đúng pháp luật, bởi lẽ ở giai đoạn sơ thẩm chị C không có chứng cứ gì chứng minh về số vàng 18 chỉ vàng 24Kr của vợ chồng. Xét nội dung kháng cáo của chị C, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá chuẩn bị xét xử thì chị C có cung cấp chứng cứ là 01 giấy bảo đảm ghi ngày 03/10/2015 của tiệm vàng Như Thủy và 01 đơn yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm thu thập chứng cứ bằng cách ghi lời khai của các nhân chứng là thành viên của tổ hòa giải ấp 4, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Xét thấy, đối với tờ giấy bảo đảm của tiệm vàng Như Thủy thì không thể hiện không rõ ràng về đơn giá, tiền công, không thể hiện rõ số tiền ghi bằng chữ là không phù hợp với hóa đơn chứng từ mua bán hàng hóa. Đối với đơn yêu cầu tòa án thu thập chứng cứ ghi ngày 10/4/2018 không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, đại diện theo ủy quyền của chị C yêu cầu Tòa án ghi lời khai của các thành viên là hòa giải ngày 04/5/2017, biên bản hòa giải này (bút lục số 7) đã thu thập có trong hồ sơ. Nội dung biên bản thể hiện ý kiến của anh H *"... số vàng của vợ chồng có thỏa thuận là để trong tủ không ai được giữ.."*, ngoài ra thì biên bản thể hiện ý kiến của hội đồng hòa giải và các đương sự xung quanh về vấn đề mâu thuẫn gia đình, không có ý kiến nào về tài sản chung của vợ chồng chị C cụ thể có bao nhiêu, hiện do ai cất giữ, nên Hội đồng xét xử đã không chấp nhận đối với yêu cầu thu thập chứng cứ của nguyên đơn. Hơn nữa, chị C cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh số tài sản chung của vợ chồng là 18 chỉ

vàng 24Kr, anh H thì không thừa nhận. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Dương Hoàng H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không qui định về nghĩa vụ chậm thi hành án là có thiếu sót, nên tòa án cấp phúc thẩm cần bổ sung về nghĩa vụ chậm thi hành án đối với phần tiền cấp dưỡng theo qui định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

[5]Về án phí phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng do yêu cầu kháng cáo của chị không được chấp nhận.

[6]Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, khoản 4 điều 147, điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 ,55, 58, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim C. Giữ nguyên bản án hôn nhôn gia đình sơ thẩm số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Dương Hoàng H.

-*Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kim C và anh Dương Hoàng H. Giao con chung tên Dương Hoàng N, sinh ngày 05/02/2017 cho chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh H được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

-*Về cấp dưỡng*: Anh Dương Hoàng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Dương Hoàng Nam mỗi tháng 1.000.000đồng. Thực hiện cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Dương Hoàng H chậm thi hành đối với tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

-*Về tài sản chung*: Gồm 08 chỉ vàng 24Kr, chia cho anh Dương Hoàng H ½ tài sản chung là 04 chỉ vàng 24Kr. Buộc anh H có nghĩa vụ chia lại cho chị Nguyễn Thị Kim C ½ tài sản chung là 04 chỉ vàng 24Kr là 14.560.000 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật..

-Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là bầy heo gồm 04 heo nái và 34 heo lứa và yêu cầu anh H cùng trả số nợ 9.000.000đồng

3. Về án phí:

-Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; 728.000 đồng án phí chia tài sản và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, tổng cộng 1.328.000 đồng. Chị C đã nộp tạm ứng án phí tổng cộng 2.098.000 đồng theo các biên lai số 25998 ngày 30/5/2017 (số tiền 300.000 đồng); biên lai thu số 25997 ngày 30/5/2017 (số tiền 1.498.000đồng) và biên lai thu số 26874 ngày 23/01/2018 (số tiền 300.000 đồng) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên chị C được hoàn lại 770.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 25997 ngày 30/5/2017.

-Anh Dương Hoàng H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 728.000 đồng án phí chia tài sản, cộng chung là 1.028.000đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành, TG;
- CCTHADS huyện Châu Thành, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Trần Văn Đạt